VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 669 Ngày 05/12/2020

Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 30 /2020/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 03 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công

nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- LĐ UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Thành Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài), đề án khoa học (sau đây gọi tắt là đề án), dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án SXTN), dự án khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là dự án).

2. Những nhiệm vụ sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư.

b) Nhiệm vụ được xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay từ các Quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các tổ chức, cá nhân được Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là sở, ngành, địa phương) xem xét đặt hàng.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh* là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do sở, ngành, địa phương được giao quản lý đặt

hàng cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. *Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là việc Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có điều kiện, năng lực tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy định này.

4. *Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là việc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy định này.

5. *Cơ quan quản lý nhiệm vụ cấp tỉnh* là Sở Khoa học và Công nghệ.

6. *Đơn vị chủ trì nhiệm vụ* là tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì nhiệm vụ).

Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh.

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của tỉnh hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng trên địa bàn tỉnh; được hoàn thành ở dạng mẫu và có khả năng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính

sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được nghiên cứu trước đó hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

Điều 5. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Điều 6. Yêu cầu đối với Dự án khoa học và công nghệ học

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong tỉnh.

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

3. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

CHƯƠNG II
TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 7. Căn cứ đề xuất đặt hàng

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của tỉnh.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu.

Điều 8. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Sở, ngành, địa phương xác định đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong phạm vi được giao quản lý.

2. Việc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện.

3. Với những đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phẩm quyền quản lý của sở, ngành, địa phương thì chủ động chuyển tới sở, ngành, địa phương khác phù hợp với lĩnh vực quản lý được giao.

Điều 9. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh

1. Sở, ngành, địa phương tổng hợp đề xuất đặt hàng và tự đề xuất đặt hàng theo những căn cứ quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 10, 11 của Quy định này.

3. Sở, ngành, địa phương tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (gọi tắt là hội đồng hoặc hội đồng tư vấn) theo danh mục các nhiệm vụ được xem xét tại Khoản 2 Điều này và các quy định tại Điều 12, 13, 14, 15, 16 và 17 của Quy định này để xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh.

4. Sở, ngành, địa phương phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh, đồng thời chuyển Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đặt hàng và công bố công khai để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp.

Điều 10. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, các sở, ngành, địa phương thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của sở, ngành, địa phương mình và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/7/2017.

2. Tổng hợp các đề xuất đặt hàng

a) Tổng hợp các đề xuất đặt hàng và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết ở cấp tỉnh.

b) Lựa chọn các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng.

c) Đối với các đề xuất đặt hàng không thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình thì gửi sở, ngành, địa phương được giao quản lý để xem xét đặt hàng thực hiện và thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi đề xuất.

Điều 11. Xây dựng đề xuất đặt hàng

Đối với đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng, sở, ngành, địa phương được giao quản lý tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12,13,14,15,16,17 của Quy định này.

Điều 12. Nội dung thể hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các Điều 4, 5, 6 của Quy định này.

2. Mục yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong các giai đoạn sản xuất.

b) Đối với đề tài khác: Các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

c) Đối với dự án: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm.

d) Đối với đề án khoa học: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: Các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

Điều 13. Hội đồng tư vấn

1. Thành lập Hội đồng tư vấn

Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương được giao quản lý quyết định thành lập Hội đồng tư vấn theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

2. Thành phần Hội đồng tư vấn

a) Hội đồng tư vấn có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc

cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

b) Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương căn cứ nội dung của đề xuất đặt hàng quyết định số lượng thành viên và thành phần của hội đồng phù hợp với quy định tại điểm a của khoản này.

c) Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, thủ trưởng các sở, ngành, địa phương có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại các điểm a và b của khoản này.

Điều 14. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 05 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng được thành lập có từ 05 đến 07 thành viên) hoặc ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng (đối với hội đồng được thành lập có trên 07 thành viên), trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do cơ quan thường trực của hội đồng cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Mẫu B1-TVHĐ đối với đề tài, dự án SXTN; Mẫu B2-TVHĐ đối với đề án khoa học và công nghệ; Mẫu B3-TVHĐ đối với dự án khoa học và công nghệ.

b) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng.

3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng. Tài liệu gồm:

a) Đề xuất đặt hàng.

b) Trích lục yêu cầu quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 12 của Quy định này.

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại khoản 2 Điều này.

d) Kết quả tra cứu thông tin của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức đề tài, dự án theo Mẫu C0-TCTT ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN.

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

5. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội

đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

6. Cơ quan thường trực của hội đồng cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng.

Điều 15. Trình tự làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng.

2. Đại diện cơ quan thường trực của hội đồng tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.

3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

4. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng.

5. Hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại các điều 16 của Quy định này.

6. Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ *Phiếu đánh giá* đề xuất đặt hàng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN.

Đề xuất đặt hàng được đề nghị "thực hiện" khi tất cả các nội dung trong *Phiếu đánh giá* được đánh giá "đạt yêu cầu" và đề nghị "không thực hiện" khi một trong các nội dung trên được đánh giá "không đạt yêu cầu".

7. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của hội đồng.

8. Đối với *đề xuất đặt hàng được* đề nghị "thực hiện", các chuyên gia trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định tại Điều 12 của Quy định này.

9. Đối với đề tài, dự án, đề án khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

10. Đối với *đề xuất đặt hàng* được đề nghị "không thực hiện" hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

11. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước quy định tại các khoản 5,6,7,8,9 và 10 Điều này trong trường hợp có 02 hoặc nhiều *đề xuất đặt hàng* và biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

12. Thư ký khoa học lập biên bản làm việc của hội đồng theo Mẫu D1-BBHĐ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN.

Điều 16. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, đề án khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ

Thực hiện theo quy định tại Điều 19, 20, 21 của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014.

Điều 17. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh

1. Căn cứ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng tư vấn thống nhất bỏ phiếu thông qua. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành, địa phương rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo yêu cầu nêu tại Điều 4, 5, 6 của Quy định này. Trường hợp cần thiết sở, ngành, địa phương lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến tư vấn (nếu có) quy định tại khoản 1 Điều này, sở, ngành, địa phương phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt, Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của sở, ngành, địa phương thông báo công khai kết quả danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên trang thông tin điện tử của Sở, ngành, địa phương.

CHƯƠNG III
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 18. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung:

a) Tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 24 của Quy định này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

c) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 60 ngày làm việc để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Khoa học và Công nghệ và đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiên nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức "không đạt" sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Thành phần, thời gian nộp và mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6 và 7 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017

Điều 21. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh *(sau đây gọi là Hội đồng)* được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

a) Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Hội đồng có 07 - 09 thành viên gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học, ủy viên phản biện (nếu có) và các ủy viên là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a khoản này.

c) Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ưu tiên mời tham dự Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tương ứng.

2. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Quy định này.

Điều 22. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của Hội đồng

1. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Phiên họp Hội đồng phải được tổ chức chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ trì nhiệm vụ nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 của Quy định này.

b) Phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền và 02 ủy viên.

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, Phó chủ tịch Hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp.

2. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng:

a) Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng, khách mời tham gia và Thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá.

3. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 23. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành

phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc của Hội đồng.

4. Cá nhân được tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cử làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có).

5. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Các ủy viên phản biện, ủy viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá từng hồ sơ, đánh giá sự phù hợp giữa các nội dung thực hiện và số nhân lực theo các chức danh, số ngày công lao động; đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh; đề xuất những nội dung trong thuyết minh cần loại bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung; so sánh giữa các hồ sơ đăng ký cùng một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Thư ký Hội đồng đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 24 của Quy định này.

d) Các thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo mẫu Biểu quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

đ) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên là ủy viên của Hội đồng, trong đó có Trưởng ban kiểm phiếu và 02 thành viên.

6. Thư ký hành chính của Hội đồng giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng (*theo phụ lục Biểu B2-4-KPĐG*) và xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp (*theo mẫu Biểu B2-5-THKP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN).*

7. Ban kiểm phiếu công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá.

8. Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ

có vốn đối ứng ngoài ngân sách bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

b) Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

9. Hội đồng kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp:

a) Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

10. Thư ký Hội đồng hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng *(theo mẫu Biểu B2-6-BBHĐ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN)*.

11. Hội đồng thông qua Biên bản họp Hội đồng.

Điều 24. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12).

b) Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24).

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16).

d) Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16).

đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 16).

e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).

2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12).

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12).

c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12).

d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20).

đ) Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24).

e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

3. Đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

4. Dự án sản xuất thực nghiệm

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8).

b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24).

c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12).

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16).

đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24).

e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).

5. Dự án khoa học công nghệ

Tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp dự án khoa học công nghệ được thực hiện theo quy định của từng chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh tương ứng.

Điều 25. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(gọi tắt là Tổ thẩm định)* được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

Tổ thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, gồm có 05 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Tổ phó tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính.

c) 01 thành viên là đại diện phòng chuyên môn quản lý về tài chính của Sở Tài chính.

d) 01 thành viên là đại diện phòng chuyên môn quản lý tài chính của Sở Khoa học và Công nghệ.

e) 01 thành viên là đại diện phòng chuyên môn quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phức tạp, đặc thù hoặc yêu cầu thực tiễn, Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần của Tổ thẩm định khác với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại Điều 26, Điều 27 của Quy định này.

Điều 26. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Hội đồng thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện và gửi thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo kết luận của Hội đồng.

2. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhiệm vụ phải tổ chức họp Tổ thẩm định.

b) Phải có mặt ít nhất 04/05 thành viên Tổ thẩm định.

c) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.Trong trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó Tổ thẩm định được ủy quyền chủ trì phiên họp.

3. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện.

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có).

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

4. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của tổ thẩm định. Các thành viên tổ thẩm định, chuyên gia (nếu có), và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

b) Báo cáo bằng văn bản cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét trong các trường hợp sau:

Hội đồng đề xuất điều chỉnh lớn về mục tiêu, sản phẩm so với danh mục đặt hàng đã được phê duyệt.

Thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.

Những nội dung công việc của nhiệm vụ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức hiện hành.

Điều 27. Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập tổ thẩm định, giới thiệu thành phần tổ thẩm định và các đại biểu tham dự, đọc những kết luận chính của Hội đồng tại phiên họp đánh giá hồ sơ.

2. Tổ trưởng tổ thẩm định nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng tại phiên đánh giá hồ sơ, trả lời các câu hỏi của thành viên tổ thẩm định (nếu có).

4. Thành viên Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét đối với những nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với kết luận của Hội đồng.

5. Các thành viên tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo hướng dẫn tại điểm a, b và c Khoản 3 Điều 28 của Quy định này.

6. Trước khi Tổ thẩm định có ý kiến kết luận, Chủ nhiệm nhiệm vụ có quyền nêu ý kiến giải trình và làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận.

7. Thư ký hành chính hoàn thiện Biên bản thẩm định (*theo các mẫu Biểu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN).*

Điều 28. Chuẩn bị cho các phiên họp của Hội đồng và Tổ thẩm định

Chuẩn bị cho các phiên họp của Hội đồng và Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

Thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu tới tất cả thành viên hội đồng và thành viên tổ thẩm định hoặc chuyên gia (nếu có) tối thiểu là (05) ngày trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và ba (03) ngày trước phiên họp thẩm định.

1. Tài liệu phục vụ của phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Quyết định thành lập Hội đồng.

b) Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt.

c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

d) Phiếu nhận xét nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các mẫu Biểu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

2. Tài liệu phục vụ phiên họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Quyết định thành lập Tổ thẩm định.

b) Thuyết minh và dự toán kinh phí chi tiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng.

c) Biên bản họp của Hội đồng.

d) Bản giải trình của tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng.

đ) Phiếu thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các mẫu Biểu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

e) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 29. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vuh khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017.

Điều 30. Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 19 Quy định này.

c) Có sự trùng lắp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

Điều 31. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và công khai thông tin

1. Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thư ký hành chính của các phiên họp có trách nhiệm tổng hợp tài liệu và nộp bộ hồ sơ gốc (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu trữ và quản lý theo quy định hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công khai thông tin kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

cấp tỉnh (trừ các nhiệm vụ có nội dung bảo mật, do cơ quan có thẩm quyền quy định) theo quy định cụ thể như sau:

a) Nội dung công khai: Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng; Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Phương thức công khai: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên trang thông tin điện tử của Sở.

Điều 32. Chuyên gia tư vấn độc lập

1. Chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không phải là thành viên Hội đồng, không thuộc tổ chức chủ trì hoặc thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Có chuyên môn cao trong lĩnh vực được mời tư vấn (học vị tiến sỹ hoặc chức danh khoa học phó giáo sư trở lên), có thành tích nghiên cứu xuất sắc, thể hiện qua các kết quả nghiên cứu được công bố trong 5 năm gần nhất hoặc có thâm niên công tác trong lĩnh vực được mời tư vấn từ 10 năm trở lên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập là người trong hay ngoài tỉnh hoặc chuyên gia không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 33. Thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lấy ý kiến của ít nhất hai (02) chuyên gia độc lập trong những trường hợp sau đây:

a) Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ không thống nhất về kết quả tuyển chọn, xét giao trực tiếp.

b) Hội đồng vi phạm các quy định về việc tuyển chọn, xét giao trực tiếp.

c) Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của hội đồng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuẩn bị và gửi các tài liệu sau đây tới chuyên gia tư vấn độc lập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chỉ đạo:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Các tài liệu theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 21 của Quy định này.

c) 02 phong bì dán sẵn tem bưu điện và ghi rõ tên, địa chỉ người nhận là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 34. Trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập

1. Phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp về nội dung, mục tiêu nghiên cứu và kết quả cần phải đạt được của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đánh giá năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Hoàn thành báo cáo tư vấn, giữ bí mật các thông tin đánh giá và gửi trực tiếp đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong phong bì có niêm phong trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

3. Trong thời hạn được mời tư vấn độc lập không được tiếp xúc hoặc trao đổi thông tin với tổ chức chủ trì hoặc các cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nếu vi phạm sẽ bị hủy bỏ kết quả tư vấn và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn giám sát và đôn tốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thể vận dụng thực hiện hoặc ban hành các quy định theo hướng dẫn tại Quyết định này thuộc phạm vi quản lý của mình.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thành Đô